TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 58/2026/QĐST-HNGĐ	

TH, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P. Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn Làng M, xã HQ, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038196026254.

Bị đơn: Anh Lê Quang D. Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn HT, xã HQ, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038089017604.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị P và anh Lê Quang D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị P và anh Lê Quang D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tuệ A, giới tính: Nữ, sinh ngày 10/05/2022. Chị P trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuệ A đến tuổi thành niên. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026 đến khi cháu A trưởng thành.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị Bùi Thị P và anh Lê Quang D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Bùi Thị P và anh Lê Quang D thống nhất thỏa thuận chị P chịu toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí của người cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001262 ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh TH. Anh D không phải chịu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh TH;
- THADS tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- UBND xã HQ, tỉnh TH;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh